

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 14: Thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống cấp điện.

1.2. Tên công trình: Đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn khu Đồng Chằm, Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (Phục vụ GPMB tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn Ba La - Xuân Mai).

1.3. Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp IV.

1.4. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Xuân Mai, xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội.

1.5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Xuân Mai.

1.6. Phạm vi công việc của gói thầu:

Xây dựng mới 05 trạm biến áp kiểu trạm kiốt để cấp điện cho khu vực của dự án trong đó: 01 trạm biến áp có công suất 750kVA-35(22)/0.4kV; 03 trạm biến áp có công suất 1000kVA-35(22)/0.4kV; 01 trạm biến áp có công suất 1250kVA-35(22)/0.4kV. Xây dựng tuyến cáp ngầm hạ thế và các tủ cấp điện cho khu vực dự án.

*(Chi tiết xem bản vẽ thiết kế được phê duyệt)*

1.7. Thông số kỹ thuật của thiết bị:

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
1	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THẾ CÔNG TƠ 500V-400A TĐ1 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		TỦ		1		9,565
1.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		
1.2	Aptomat 3 pha (MCCB)	500V-400A-45kA	cái		1		

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
1.3	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-200A-36kA	cái		1		
1.4	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-160A-36kA	cái		1		
1.5	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		1		
1.6	Hệ thống thanh cái chính 400A	Cu (50x5)mm	thanh	0,5	3	2,230	3,345
1.7	Thanh cái từ MCCB 400A tới dàn thanh cái chính	Cu (50x5)mm	thanh	0,3	3	2,230	2,007
1.8	Thanh cái từ MCCB 400A chờ đầu cấp vào	Cu (50x5)mm	thanh	0,1	3	2,230	0,669
1.9	Thanh cái trung tính	Cu (40x5)mm	thanh	0,35	1	1,78	0,624
1.10	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 200A	Cu (40x5)mm	thanh	0,3	3	1,78	1,606
1.11	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 160A	Cu (25x5)mm	thanh	0,3	3	1,11	0,995
1.12	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 100A	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,3	3	0,35	0,319
1.13	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		
1.14	Cầu đấu 100A	380V-100A	cái		12		
1.15	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
1.16	Cầu đấu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
1.17	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
1.18	Đề phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
1.19	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
1.20	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		
<b>2</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ 500V-300A TĐ2 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>7,959</b>
2.1	Vỏ tủ hạ thể công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		
2.2	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-300A-36kA	cái		1		
2.3	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-200A-36kA	cái		1		
2.4	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		1		
2.5	Hệ thống thanh cái chính 300A	Cu (50x5)mm	thanh	0,5	3	2,230	3,345
2.6	Thanh cái từ MCCB 300A tới dàn thanh cái chính	Cu (50x5)mm	thanh	0,3	3	2,230	2,007
2.7	Thanh cái từ MCCB 300A chờ đầu cáp vào	Cu (50x5)mm	thanh	0,1	3	2,230	0,669
2.8	Thanh cái trung tính	Cu (40x5)mm	thanh	0,35	1	1,78	0,624
2.9	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 200A	Cu (25x5)mm	thanh	0,3	3	1,11	0,995
2.10	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 100A	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,3	3	0,35	0,319
2.11	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
2.12	Cầu đầu 100A	380V-100A	cái		12		
2.13	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
2.14	Cầu đầu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
2.15	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
2.16	Đề phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		
2.17	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
2.18	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		
<b>3</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THẾ CÔNG TƠ 500V-300A TĐ3 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>8,278</b>
3.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		
3.2	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-300A-36kA	cái		1		
3.3	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-160A-36kA	cái		1		
3.4	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		2		
3.5	Hệ thống thanh cái chính 300A	Cu (50x5)mm	thanh	0,5	3	2,230	3,345
3.6	Thanh cái từ MCCB 300A tới dàn thanh cái chính	Cu (50x5)mm	thanh	0,3	3	2,230	2,007

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
3.7	Thanh cái từ MCCB 300A chờ đầu cáp vào	Cu (50x5)mm	thanh	0,1	3	2,230	0,669
3.8	Thanh cái trung tính	Cu (40x5)mm	thanh	0,35	1	1,78	0,624
3.9	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 160A	Cu (25x5)mm	thanh	0,3	3	1,11	0,995
3.10	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 100A	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,3	6	0,35	0,637
3.11	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		
3.12	Cầu đấu 100A	380V-100A	cái		12		
3.13	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
3.14	Cầu đấu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
3.15	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
3.16	Đế phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		
3.17	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
3.18	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		
<b>4</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ 500V-250A TĐ4 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>6,598</b>
4.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
4.2	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-250A-36kA	cái		1		
4.3	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-160A-36kA	cái		1		
4.4	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		1		
4.5	Hệ thống thanh cái chính 250A	Cu (40x5)mm	thanh	0,5	3	1,78	2,676
4.6	Thanh cái từ MCCB 250A tới dàn thanh cái chính	Cu (40x5)mm	thanh	0,3	3	1,78	1,606
4.7	Thanh cái từ MCCB 250A chờ đầu cấp vào	Cu (40x5)mm	thanh	0,1	3	1,78	0,535
4.8	Thanh cái trung tính	Cu (30x5)mm	thanh	0,35	1	1,34	0,467
4.9	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 160A	Cu (25x5)mm	thanh	0,3	3	1,11	0,995
4.10	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 100A	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,3	3	0,35	0,319
4.11	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		
4.12	Cầu đầu 100A	380V-100A	cái		12		
4.13	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
4.14	Cầu đầu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
4.15	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
4.16	Đế phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		
4.17	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
4.18	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
5	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ 500V-200A TĐ5 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		TỦ		1		5,306
5.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		
5.2	Aptomat 3 pha (MCCB)	500V-200A-36kA	cái		1		
5.3	Aptomat 3 pha (MCCB)	500V-160A-36kA	cái		1		
5.4	Aptomat 3 pha (MCCB)	500V-100A-25kA	cái		1		
5.5	Hệ thống thanh cái chính 200A	Cu (30x5)mm	thanh	0,5	3	1,34	2,003
5.6	Thanh cái từ MCCB 200A tới dàn thanh cái chính	Cu (30x5)mm	thanh	0,3	3	1,34	1,202
5.7	Thanh cái từ MCCB 200A chờ đầu cấp vào	Cu (30x5)mm	thanh	0,1	3	1,34	0,401
5.8	Thanh cái trung tính	Cu (25x5)mm	thanh	0,35	1	1,11	0,387
5.9	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 160A	Cu (25x5)mm	thanh	0,3	3	1,11	0,995
5.10	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 100A	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,3	3	0,35	0,319
5.11	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		
5.12	Cầu đấu 100A	380V-100A	cái		12		
5.13	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
5.14	Cầu đầu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
5.15	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
5.16	Đế phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		
5.17	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
5.18	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		
<b>6</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THẾ CÔNG TƠ 500V-200A TĐ6 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>4,629</b>
6.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		
6.2	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-160A-36kA	cái		1		
6.3	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		1		
6.4	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		1		
6.5	Hệ thống thanh cái chính 160A	Cu (30x5)mm	thanh	0,5	3	1,34	2,003
6.6	Thanh cái từ MCCB 160A tới dàn thanh cái chính	Cu (30x5)mm	thanh	0,3	3	1,34	1,202
6.7	Thanh cái từ MCCB 160A chờ đầu cáp vào	Cu (30x5)mm	thanh	0,1	3	1,34	0,401
6.8	Thanh cái trung tính	Cu (25x5)mm	thanh	0,35	1	1,11	0,387

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
6.9	Thanh cái từ dàn thanh cái chính tới MCCB 100A	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,3	6	0,35	0,637
6.10	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		
6.11	Cầu đấu 100A	380V-100A	cái		12		
6.12	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
6.13	Cầu đấu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
6.14	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
6.15	Đế phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		
6.16	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
6.17	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		
<b>7</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ 500V-100A TĐ7 (lắp 12CT) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>0,493</b>
7.1	Vỏ tủ hạ thể công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(1200x700x450)mm	cái		1		
7.2	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-100A-25kA	cái		1		
7.3	Thanh cái trung tính	Cu (25x5)mm	thanh	0,35	1	1,11	0,387
7.4	Thanh cái từ MCCB 100A chờ đầu cáp vào	Cu (16x2,5)mm	thanh	0,1	3	0,35	0,106

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
7.5	Gối đỡ thanh cái 1 pha		cái		11		
7.6	Cầu đầu 100A	380V-100A	cái		12		
7.7	Cầu chia pha trung tính trước công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
7.8	Cầu đầu dây trung tính sau công tơ	Cầu 12 đầu ra	cái		1		
7.9	Dây Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	Cu/XLPE/PVC 1x35mm <sup>2</sup>	m		8		
7.10	Đề phíp bắt công tơ 1200x640 dày 5mm	1200 x 640 x 5	tấm		1		
7.11	Miếng chỉ dẫn đường cáp bằng mica	( 50 x 40 x 2 )mm	cái		3		
7.12	Máng nhựa 110 x 5	110 x 5	m		0,8		
<b>8</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ 500V-160A TĐ3.1(lắp 01CT 3PHA) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>0,668</b>
8.1	Vỏ tủ hạ thể công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(550x600x350)mm	cái		1		
8.2	Aptomat 3 pha ( MCCB )	500V-160A-36kA	cái		1		
8.3	Thanh cái trung tính	Cu (30x5)mm	thanh	0,2	1	1,34	0,267
8.4	Thanh cái từ MCCB 160A chờ đầu cáp vào	Cu (30x5)mm	thanh	0,1	3	1,34	0,401
8.5	Gối đỡ thanh cái trung tính		cái		2		
<b>9</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>0,668</b>

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng	
						kg/m	Tổng cộng (kg)
	<b>500V-200A TĐ3.2(lắp 01CT 3PHA) (Tủ pillar)</b>						
9.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(550x600x350)mm	cái		1		
9.2	Aptomat 3 pha (MCCB )	500V-200A-36kA	cái		1		
9.3	Thanh cái trung tính	Cu (30x5)mm	thanh	0,2	1	1,34	0,267
9.4	Thanh cái từ MCCB 160A chờ đầu cáp vào	Cu (30x5)mm	thanh	0,1	3	1,34	0,401
9.5	Gối đỡ thanh cái trung tính		cái		2		
<b>10</b>	<b>TỦ ĐIỆN HẠ THỂ CÔNG TƠ 500V-250A TĐ3.3(lắp 01CT 3PHA) (Tủ pillar)</b>		<b>TỦ</b>		<b>1</b>		<b>0,892</b>
10.1	Vỏ tủ hạ thế công tơ đặt ngoài trời 2 mặt, 2 lớp cánh tôn dày 1,5mm sơn tĩnh điện bao gồm hệ thống thanh đỡ thiết bị	(550x600x350)mm	cái		1		
10.2	Aptomat 3 pha (MCCB )	500V-250A-36kA	cái		1		
10.3	Thanh cái trung tính	Cu (40x5)mm	thanh	0,2	1	1,78	0,357
10.4	Thanh cái từ MCCB 160A chờ đầu cáp vào	Cu (40x5)mm	thanh	0,1	3	1,78	0,535
10.5	Gối đỡ thanh cái trung tính		cái		2		

2. Thời hạn hoàn thành: 240 ngày

## II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
...			

## III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

**Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:**

### 1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

Thực hiện đúng các Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

Nhà thầu cần tuân thủ đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

### 2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

#### 2.1. Yêu cầu chung:

Thực hiện theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nhà thầu cần chuẩn bị bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật lành nghề và nhân lực lao động, vật liệu, công cụ, thiết bị, nhà xưởng... cần thiết cho các công việc tại công trường

Nhà thầu phải chấp hành nghiêm chỉnh quy trình, quy phạm về an toàn lao động và hoàn toàn chịu trách nhiệm về bảo hiểm, an toàn thi công, an toàn trong phòng chống điện giật, cháy nổ cho người và phương tiện thi công trong công trình theo các quy định hiện hành và về mọi tai nạn, sự cố, kể cả tai nạn lao động xảy ra trong giai đoạn chuẩn bị và thi công. Các nhân lực phục vụ trong thi công phải được kiểm tra sức khỏe và học an toàn về lao động, phòng chống điện giật, cháy nổ, vệ sinh môi trường...

Nhà thầu phải bố trí cán bộ kỹ thuật, cán bộ giám sát, cán bộ phụ trách an toàn lao động thường xuyên có mặt tại công trình trong suốt thời gian thi công

Nhà thầu cần có mặt bằng tổ chức thi công hợp lý, sáng tạo, bảo đảm tối ưu về chi phí và tận dụng mặt bằng và tổ chức thi công

Kiểm tra cao độ thiết kế và kiểm tra độ sai lệch của tim trục công trình trước khi thi công và tiến hành các công tác đo đạc kiểm tra thường xuyên trong quá trình thi công.

Đảm bảo thu thoát nước mưa, nước thi công để hiện trường thi công luôn khô ráo, sạch sẽ. Đảm bảo vệ sinh môi trường, trật tự công cộng theo quy định chung của Nhà nước và của địa phương.

## 2.2. Lối ra vào công trường

Lối ra vào công trường phải thể hiện trong bản vẽ thi công và phải theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm xin phép các lối ra vào tạm... và giữ gìn các đường đi lối lại luôn luôn an toàn và sạch sẽ.

## 2.3. Nhà thầu tự đánh giá mặt bằng công trường:

Trước khi dự thầu, Nhà thầu phải xem xét, tham quan địa điểm xây dựng để nghiên cứu đánh giá hiện trạng của mặt bằng công trường, điều kiện tự nhiên, lối ra vào, các công trình lân cận và các yếu tố khác liên quan ảnh hưởng đến việc đấu thầu. Không được đòi hỏi thêm các chi phí phát sinh do những điều kiện tự nhiên, hiện trạng của công trường gây nên.

Nhà thầu phải bảo đảm và bồi thường các thiệt hại do Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công cho phía thứ ba, hoặc tai nạn của người lao động, các hư hại phương tiện vận tải hay bất kỳ thiệt hại nào (kể cả việc lún, nứt công trình bên cạnh).

## 2.4. Dọn sạch mặt bằng:

Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp mặt bằng trước lúc thi công và dỡ bỏ từng phần thiết bị, phương tiện, làm sạch mặt bằng trong thời gian thi công và sau khi hoàn thành công việc, kể cả các lều lán không cần thiết, các vật liệu thừa, rác vụn sinh ra trong thi công.

## 2.5. Bản vẽ hoàn công:

Sau khi kết thúc hạng mục công việc, Nhà thầu phải lập hồ sơ bản vẽ hoàn công. Bản vẽ này phải do bộ máy cán bộ của Nhà thầu kiểm tra đo đạc thực hiện và phải có đầy đủ nội dung:

- Kích thước hình học theo thiết kế.
- Những thay đổi khác so với thiết kế. Những biên bản, chứng chỉ về những thay đổi thiết kế trong quá trình thi công được coi là một phần của bản vẽ hoàn công.

## **3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử)**

### 3.1. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư:

Tất cả các vật liệu, thiết bị đưa vào thi công công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng kỹ thuật theo tiêu chuẩn Nhà nước hiện hành (*Tiêu chuẩn Việt Nam*) theo đúng yêu cầu của thiết kế và hồ sơ mời thầu.

Các vật liệu và các thiết bị khác theo quy định của bản vẽ thiết kế và được ghi trong tiên lượng mời thầu.

Nhà thầu phải đệ trình các chứng chỉ chất lượng, các kết quả kiểm định, kiểm tra chất lượng cần thiết của nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng. Các chứng chỉ và kết quả kiểm định chất lượng này là các tài liệu cần thiết trong hồ sơ nghiệm thu thanh toán công trình.

Vật liệu cung cấp cho công trình phải đáp ứng theo đúng các tiêu chuẩn quy phạm quy định hiện hành. Vật tư vật liệu trước khi đưa vào công trình nhà thầu phải đệ trình mẫu phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

### 3.2. Yêu cầu về máy móc, thiết bị :

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp các thiết bị kể cả trang thiết bị phụ trợ và lao động cần thiết cho thi công. Trước khi thi công, Nhà thầu phải đệ trình đầy đủ, chi tiết về chương trình, kế hoạch thi công, bao gồm cả số lượng, chủng loại, chất lượng thiết bị sử dụng đảm bảo đúng tiến độ.

Nhà thầu cần có biểu đồ cung ứng thiết bị thi công chủ yếu để minh chứng sự phù hợp của thiết bị với tiến độ thi công công trình .

### 4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt :

4.1. Nhà thầu phải có thuyết minh và bảng tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:

a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định

c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng cán bộ, công nhân và thiết bị của nhà thầu cần thiết trên công trường cho mỗi giai đoạn chính.

4.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Bảng tiến độ thi công chi tiết sau khi Bảng này được chủ đầu tư chấp thuận.

4.3. Nhà thầu phải trình chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Bảng tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm không vượt quá thời gian quy định. Nếu nhà thầu không trình Bảng tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Bảng tiến độ thi công chi tiết này được trình.

4.4. Việc chấp thuận Bảng tiến độ thi công chi tiết của chủ đầu tư sẽ không thay thế các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh lại Bảng tiến độ thi công chi tiết và trình lại cho chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.

### 5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn :

- Đối với thiết bị đưa vào công trình phải thử nghiệm và kiểm tra theo quy định trước khi đưa vào sử dụng.

### 6. Yêu cầu về phòng, chống cháy nổ :

Phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn về phòng chống cháy nổ cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sự cố cháy nổ do nhà thầu gây ra

- Bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật tại công trường.

- Tổ chức nguồn nhân lực phòng cháy chữa cháy và được diễn tập đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy trên công trường.

### **7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;**

Nhà thầu phải bảo đảm vệ sinh môi trường tại công trường, không làm ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh công trình. Mọi chi phí về xử phạt do làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường nhà thầu phải chịu hoàn toàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ô nhiễm môi trường do nhà thầu gây ra

### **8. Yêu cầu về an toàn lao động**

- Phải có cán bộ chuyên trách về an toàn lao động.
- Có nội quy về an toàn lao động cho người và thiết bị.
- Tổ chức học tập nội quy cho tất cả các đối tượng tham gia công trình.
- Có trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định.

### **9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:**

Nhà thầu phải có thuyết minh và biểu đồ nhân lực và tiến độ huy động thiết bị phục vụ thi công phù hợp với tiến độ thi công của nhà thầu

Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong danh sách cán bộ chủ chốt được đề cập tại HSDT để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác được chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong trường hợp có lý do chính đáng, năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản tương đương hoặc cao hơn các cán bộ được liệt kê trong danh sách.

Nếu chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu buộc thôi việc một hoặc nhiều thành viên trong số nhân viên của nhà thầu với lý do chính đáng, nhà thầu phải bảo đảm rằng nhân viên đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 5 ngày làm việc và không còn mối liên hệ nào với công việc trong hợp đồng.

### **10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:**

Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp thi công tổng thể và thuyết minh cho từng hạng mục, có các bản vẽ về biện pháp thi công chi tiết đúng tiến độ đề ra.

### **11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:**

Nhà thầu phải bố trí cán bộ kiểm tra, giám sát chất lượng công trình theo quy định hiện hành về công tác giám sát kiểm tra chất lượng của nhà thầu.

#### **IV. Các bản vẽ:**

- Các bản vẽ của gói thầu là tập pdf được đính kèm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

#### **V. Bảng tiên lượng**

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

#### **VI. Ghi chú:**

- Giá gói thầu được lập trên cơ sở thuế VAT 10%, giá VAT có thể thay đổi trong quá trình nghiệm thu, thanh toán